

Số: 1780/QĐ-ĐHTN

Thái Nguyên, ngày 16 tháng 04 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Ban hành định dạng định dạng đề thi đánh giá năng lực sử dụng
tiếng Pháp theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam**

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04/04/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/05/2020 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐĐHTN ngày 19/11/2021 của Chủ tịch Hội đồng Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức vào hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2435/QĐ-ĐHTN ngày 26/11/2020 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Khảo thí và Quản lý chất lượng giáo dục - Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1294/QĐ-ĐHTN ngày 26/03/2025 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc thành lập Ban thẩm định định dạng đề thi đánh giá năng lực sử dụng tiếng Pháp theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Biên bản thẩm định ngày 10/04/2025 của Ban thẩm định định dạng đề thi đánh giá năng lực sử dụng tiếng Pháp theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Đào tạo và Quản lý người học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành định dạng đề thi đánh giá năng lực sử dụng tiếng Pháp theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Điều 2. Định dạng đề thi đánh giá sử dụng tiếng Pháp nói trên được sử dụng làm căn cứ xây dựng ngân hàng đề thi đánh giá sử dụng tiếng Pháp theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Điều 3. Các ông (Bà) Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Đào tạo và các ban chức năng, Trung tâm Khảo thí và Quản lý chất lượng giáo dục - Đại học Thái Nguyên, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này /

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/h);
- Lưu VT.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

PGS. TS. Nguyễn Hữu Công

ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC SỬ DỤNG TIẾNG PHÁP

Từ bậc 1 đến bậc 6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam
(Ban hành kèm theo quyết định số 1780/QĐ-ĐHTN ngày 16 tháng 4 năm 2025 của
Giám đốc Đại học Thái Nguyên)

I. ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI BẬC 1

1. Yêu cầu chung:

Định dạng đề thi Bậc 1 tương đương trình độ A1 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu. Đây là trình độ cơ bản nhất, nhằm mục đích khám phá ngôn ngữ Pháp. Ở giai đoạn này, thí sinh có khả năng giao tiếp ở mức độ đơn giản: giới thiệu về bản thân và về môi trường xung quanh.

2. Định dạng đề thi

Bậc 1 tổng cộng có 57 câu hỏi, chia làm 4 phần : Nghe hiểu, Đọc hiểu, Viết, Nói.

NỘI DUNG BÀI THI		SỐ LƯỢNG CÂU HỎI (CÂU)		THỜI GIAN THI (PHÚT)
1. NGHE HIỂU	BÀI 1	4	20	Khoảng 20
	BÀI 2	4		
	BÀI 3	4		
	BÀI 4	4		
	BÀI 5	4		
2. ĐỌC HIỂU	BÀI 1	5	20	30
	BÀI 2	5		
	BÀI 3	5		
	BÀI 4	5		
3. VIẾT	BÀI 1	10	11	30
	BÀI 2	1		
4. NÓI	BÀI 1	1	6	Chuẩn bị: 10 phút Trình bày: 5 phút
	BÀI 2	5		
Tổng cộng	/	57		Khoảng 100

Toàn bộ thời gian thi khoảng 100 phút (bao gồm 5 phút thí sinh điền thông tin cá nhân).

2.1 Nghe hiểu

Phần Nghe hiểu có 5 bài thi, mỗi bài thi nghe 3 lần.

Bài thứ nhất có 4 câu hỏi thi. Thí sinh nghe và xác định một sự kiện; căn cứ vào nội dung nghe được để chọn ra một đáp án đúng trong số 3 phương án.

Bài thứ hai có 4 câu hỏi thi. Thí sinh nghe và xác định một hoạt động; căn cứ vào nội dung nghe được để chọn ra một đáp án đúng trong số 3 phương án.

Bài thứ ba có 4 câu hỏi thi. Thí sinh nghe và hiểu các yêu cầu, chỉ dẫn; căn cứ vào nội dung nghe được để chọn ra một đáp án đúng trong số 3 phương án.

Bài thứ tư có 4 câu hỏi thi. Thí sinh nghe và xác định các tình huống; căn cứ vào nội dung nghe được để nối mỗi đoạn hội thoại với 1 hình ảnh minh họa trong số 6 hình ảnh, chú ý: có 6 hình ảnh nhưng chỉ có 4 đoạn hội thoại.

Bài thứ năm có 4 câu hỏi. Thí sinh nghe và xác định các đồ vật; thí sinh đánh dấu “oui (☒)” dưới bức tranh tương ứng với tên của đồ vật mà thí sinh nghe thấy, và đánh dấu “non (☒)” nếu thí sinh không nghe thấy đồ vật đó.

nm2

2.2 Đọc hiểu

Bài thứ nhất có 5 câu hỏi thi. Thí sinh đọc các chỉ dẫn đơn giản trong một tin nhắn ngắn (email, SMS, thiệp mời, bưu ảnh, hướng dẫn sử dụng, ...); căn cứ vào nội dung bài đọc để chọn ra một đáp án đúng trong số 3 phương án.

Bài thứ hai có 5 câu hỏi thi. Thí sinh đọc một tin nhắn cá nhân ngắn (email, SMS, thiệp mời, bưu ảnh, thông báo, ...); căn cứ vào nội dung bài đọc để chọn ra một đáp án đúng trong số 3 phương án.

Bài thứ ba có 5 câu hỏi thi. Thí sinh đọc các bài khoá rất ngắn (thông báo, chương trình, quảng cáo, nội quy, hướng dẫn sử dụng, ...); căn cứ vào nội dung bài đọc để chọn ra một đáp án đúng trong số 3 phương án.

Bài thứ tư có 5 câu hỏi thi. Thí sinh đọc một bài báo ngắn, đơn giản, một đoạn trích ngắn trong sách,; căn cứ vào nội dung bài đọc để chọn ra một đáp án đúng trong số 3 phương án.

2.3 Viết

Bài thứ nhất có 10 câu hỏi thi. Thí sinh cần hoàn thành một biểu mẫu với thông tin cá nhân về mình hoặc người khác. Thí sinh phải viết 10 thông tin.

Bài thứ hai có 1 câu hỏi thi. Thí sinh cần viết một tin nhắn đơn giản để thông báo hoặc yêu cầu thông tin. Thí sinh viết ít nhất 40 từ.

2.4 Nói

Bài thứ nhất, thí sinh cần giới thiệu bản thân, nói về gia đình, sở thích, các hoạt động của bản thân và trả lời một số câu hỏi đơn giản.

Bài thứ hai, thí sinh cần đặt 5 câu hỏi tương ứng với các từ mà thí sinh nhận được trên đề thi.

3. Cách tính điểm

NỘI DUNG BÀI THI		SỐ LƯỢNG CÂU HỎI (CÂU)		ĐIỂM TỐI ĐA (ĐIỂM)	SỐ ĐIỂM CHO MỖI CÂU (ĐIỂM)
1. NGHE HIỂU	BÀI 1	4	20	10	0,5
	BÀI 2	4			0,5
	BÀI 3	4			0,5
	BÀI 4	4			0,5
	BÀI 5	4			0,5
2. ĐỌC HIỂU	BÀI 1	5	20	10	0,5
	BÀI 2	5			0,5
	BÀI 3	5			0,5
	BÀI 4	5			0,5
3. VIẾT	BÀI 1	10	11	10	0,4
	BÀI 2	1			6
4. NÓI	BÀI 1	1	6	10	6
	BÀI 2	5			0,8
Tổng cộng		/	57	40	

4. Thông báo kết quả

Kết quả tính theo thang điểm: 10 (là điểm trung bình cộng của điểm 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết)

Mỗi phần thi tính theo thang điểm: 10

Mức điểm đạt trình độ năng lực ngoại ngữ (Tiếng Pháp) bậc 1: 5/10

Không có phần thi nào dưới: 2/10

II. ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI BẬC 2

1. Yêu cầu chung:

Định dạng đề thi Bậc 2 tương đương trình độ A2 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu. Thí sinh có khả năng thực hiện những hoạt động giao tiếp đơn giản trong cuộc sống hàng ngày. Thí sinh sử dụng được các cấu trúc câu trang trọng hoặc các câu trao đổi thông tin trong đời sống hàng ngày.

2. Định dạng đề thi

Bậc 2 tổng cộng có 52 câu hỏi, chia làm 4 phần: Nghe hiểu, Đọc hiểu, Viết, Nói

NỘI DUNG BÀI THI		SỐ LƯỢNG CÂU HỎI (CÂU)		THỜI GIAN THI (PHÚT)
1. NGHE HIỂU	BÀI 1	5	20	Khoảng 25
	BÀI 2	6		
	BÀI 3	5		
	BÀI 4	4		
2. ĐỌC HIỂU	BÀI 1	5	20	30
	BÀI 2	5		
	BÀI 3	5		
	BÀI 4	5		
3. VIẾT	BÀI 1	1	1	30
4. NÓI	BÀI 1	1	11	Chuẩn bị: 10 phút Trình bày: 5 phút
	BÀI 2	10		
Tổng cộng	/	52		Khoảng 105

Toàn bộ thời gian của bài thi khoảng 105 phút (bao gồm 5 phút thí sinh điền thông tin cá nhân).

2.1 Nghe hiểu

Phần Nghe hiểu có 4 bài thi, mỗi bài thi nghe 3 lần.

Bài thứ nhất có 5 câu hỏi thi. Thí sinh nghe các thông báo hoặc chỉ dẫn, căn cứ vào nội dung nghe được để chọn ra một đáp án đúng trong số 3 phương án.

Bài thứ hai có 6 câu hỏi thi. Thí sinh nghe các chương trình trên đài phát thanh, căn cứ vào nội dung nghe được để chọn ra một đáp án đúng trong số 3 phương án.

Bài thứ ba có 5 câu hỏi thi. Thí sinh nghe các tin nhắn thoại, căn cứ vào nội dung nghe được để chọn ra một đáp án đúng trong số 3 phương án.

Bài thứ tư có 4 câu hỏi thi. Thí sinh nghe 4 đoạn hội thoại ngắn, căn cứ vào nội dung nghe được để nối mỗi đoạn hội thoại với 1 tình huống tương ứng.

2.2 Đọc hiểu

Bài thứ nhất có 5 câu hỏi thi. Thí sinh đọc các thông báo, quảng cáo, pa nô, tờ rơi, bảng giờ ..., căn cứ vào nội dung bài đọc để chọn ra một đáp án đúng trong số các phương án.

Bài thứ hai có 5 câu hỏi thi. Thí sinh đọc các bức thư cá nhân ngắn và đơn giản, căn cứ vào nội dung bài đọc để chọn ra một đáp án đúng trong số 3 phương án, hoặc tích (x) vào ô có câu trả lời đúng hoặc sai.

Bài thứ ba có 5 câu hỏi thi. Thí sinh đọc các chỉ dẫn, hướng dẫn sử dụng, hiệu lệnh an toàn ..., căn cứ vào nội dung bài đọc để chọn ra một đáp án đúng trong số 3 phương án, hoặc tích (x) vào ô có câu trả lời đúng hoặc sai.

Bài thứ tư có 5 câu hỏi thi. Thí sinh đọc các bài báo ngắn, các tài liệu quảng cáo ..., căn cứ vào nội dung bài đọc để chọn ra một đáp án đúng trong số 3 phương án, hoặc tích (x) vào ô có câu trả lời đúng hoặc sai.

2.3 Viết

Phần này có 1 câu hỏi thi. Thí sinh viết một bức thư để kể một sự kiện hoặc một trải nghiệm cá nhân và bày tỏ tình cảm, ấn tượng của mình. Thí sinh viết khoảng 100 từ.

2.4 Nói

Bài thứ nhất, thí sinh cần giới thiệu bản thân, nói về gia đình, bạn bè, sở thích, công việc, học tập, các hoạt động của bản thân; và trả lời một số câu hỏi.

Bài thứ hai, thí sinh cần đặt 5 câu hỏi phù hợp với tình huống giao tiếp mà thí sinh nhận được trên đề thi và trả lời cho 5 câu hỏi đó.

3. Cách tính điểm

NỘI DUNG BÀI THI		SỐ LƯỢNG CÂU HỎI (CÂU)		ĐIỂM TỐI ĐA (ĐIỂM)	SỐ ĐIỂM CHO MỖI CÂU (ĐIỂM)
1. NGHE HIỂU	BÀI 1	5	20	10	0,4
	BÀI 2	6			0,5
	BÀI 3	5			0,4
	BÀI 4	4			0,75
2. ĐỌC HIỂU	BÀI 1	5	20	10	0,5
	BÀI 2	5			0,5
	BÀI 3	5			0,5
	BÀI 4	5			0,5
3. VIẾT	BÀI 1	1	1	10	10
4. NÓI	BÀI 1	1	11	10	4
	BÀI 2	10			0,6
Tổng cộng	/	52		40	

4. Thông báo kết quả

Kết quả tính theo thang điểm: 10 (là điểm trung bình cộng của điểm 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết)

Mỗi phần thi tính theo thang điểm: 10

Mức điểm đạt trình độ năng lực ngoại ngữ (Tiếng Pháp) bậc 2: 5/10

Không có phần thi nào dưới: 2/10

III. ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI BẬC 3

1. Yêu cầu chung:

Định dạng đề thi Bậc 3 tương đương trình độ B1 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu. Thí sinh có khả năng hiểu và tham gia trò chuyện, bày tỏ ý kiến và quan điểm các nhân. Thí sinh cũng sẽ có khả năng tự xoay sở trong các tình huống bất ngờ trong cuộc sống hàng ngày.

2. Định dạng đề thi

Tổng cộng có 52 câu hỏi, chia làm 4 phần: Nghe hiểu, Đọc hiểu, Viết, Nói.

NỘI DUNG BÀI THI		SỐ LƯỢNG CÂU HỎI (CÂU)		THỜI GIAN THI (PHÚT)
1. NGHE HIỂU	BÀI 1	6	20	Khoảng 30
	BÀI 2	7		
	BÀI 3	7		
2. ĐỌC HIỂU	BÀI 1	16	29	45
	BÀI 2	7		
	BÀI 3	6		
3. VIẾT	BÀI 1	1	1	45
4. NÓI	BÀI 1	1	2	Chuẩn bị: 10 phút Trình bày: 7 phút
	BÀI 2	1		
Tổng cộng	/	52		Khoảng 145

Toàn bộ thời gian thi khoảng 145 phút (bao gồm 3 phút thí sinh điền thông tin cá nhân).

2.1 Nghe hiểu

Phần Nghe hiểu có 3 bài thi, mỗi bài thi nghe 3 lần.

Bài thứ nhất có 6 câu hỏi thi. Thí sinh nghe một cuộc trò chuyện trong cuộc sống hàng ngày, căn cứ vào nội dung nghe được để chọn ra một đáp án đúng trong số 3 phương án.

nh2

Bài thứ hai có 7 câu hỏi thi. Thí sinh nghe các chương trình phát thanh (chủ đề thuộc lĩnh vực công như: cuộc sống hàng ngày, văn hóa, nghệ thuật, tin tức thời sự, môi trường, giáo dục...), căn cứ vào nội dung nghe được để chọn ra một đáp án đúng trong số 3 phương án.

Bài thứ ba có 7 câu hỏi thi. Thí sinh nghe các chương trình phát thanh (chủ đề thuộc lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp như: kinh tế, kỹ thuật, y tế, luật, marketing...), căn cứ vào nội dung nghe được để chọn ra một đáp án đúng trong số 3 phương án.

2.2 Đọc hiểu

Bài thứ nhất có 16 câu hỏi thi. Thí sinh đọc nhanh 4 tài liệu ngắn để tìm các thông tin hữu ích theo 4 tiêu chí; đối với mỗi tài liệu thí sinh cần tích (x) vào ô Có (Oui) hoặc Không (Non) tùy theo tiêu chí đó có được đảm bảo không.

Bài thứ hai có 7 câu hỏi thi. Thí sinh đọc các văn bản thông tin (chủ đề thuộc lĩnh vực công), căn cứ vào nội dung bài đọc để chọn ra một đáp án đúng trong số 3 phương án, hoặc tích (x) vào ô có câu trả lời đúng hoặc sai.

Bài thứ ba có 6 câu hỏi thi. Thí sinh đọc các văn bản thông tin (chủ đề thuộc lĩnh vực công hoặc lĩnh vực giáo dục), căn cứ vào nội dung bài đọc để chọn ra một đáp án đúng trong số 3 phương án, hoặc tích (x) vào ô có câu trả lời đúng hoặc sai.

2.3 Viết

Cấu trúc phần thi Viết: Gồm 1 bài luận

Thí sinh sẽ viết một bài văn có cấu trúc rõ ràng và mạch lạc với tối thiểu 160 từ, trong đó thí sinh cần:

- Miêu tả, kể lại, trình bày các sự việc, các sự kiện hoặc các trải nghiệm;
- Trình bày cảm xúc hoặc ý tưởng, chia sẻ các phản ứng/cảm tưởng của bản thân;
- Nêu quan điểm của bản thân và giải thích lý do cho quan điểm đó.

Bài viết của thí sinh, tùy thuộc vào chủ đề, có thể là:

- Một bài luận (ví dụ như trả lời một câu hỏi, đăng trên một tờ báo tiếng Pháp);
- Một bức thư trang trọng (ví dụ gửi cho giám đốc của một công ty hoặc trường học tiếng);
- Một bức thư thân mật (ví dụ gửi cho một người bạn, người thân trong gia đình);
- Một bài báo (ví dụ cho một tờ báo hoặc trang web của công ty hoặc trường học tiếng của bản thân);

2.4 Nói

Bài thứ nhất, thí sinh cần giới thiệu bản thân, nói về sở thích, các hoạt động của bản thân; các sự kiện trong quá khứ, hiện tại, dự định trong tương lai của bản thân và trả lời một số câu hỏi.

Bài thứ hai, thí sinh nói về 1 chủ đề trong số 2 chủ đề mà thí sinh bốc thăm được.

3. Cách tính điểm

NỘI DUNG BÀI THI		SỐ LƯỢNG CÂU HỎI (CÂU)		ĐIỂM TỐI ĐA (ĐIỂM)	SỐ ĐIỂM CHO MỖI CÂU (ĐIỂM)
1. NGHE HIỂU	BÀI 1	6	20	10	0,5
	BÀI 2	7			0,5
	BÀI 3	7			0,5
2. ĐỌC HIỂU	BÀI 1	16	29	10	0,2
	BÀI 2	7			0,5
	BÀI 3	6			0,55
3. VIẾT	BÀI 1	1	1	10	10
4. NÓI	BÀI 1	1	2	10	4
	BÀI 2	1			6
Tổng cộng	/	52		40	

4. Thông báo kết quả

Kết quả tính theo thang điểm: 10 (là điểm trung bình cộng của điểm 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết)

Mỗi phần thi tính theo thang điểm: 10

Mức điểm đạt trình độ năng lực ngoại ngữ (Tiếng Pháp) bậc 3: 5/10

Không có phần thi nào dưới: 2/10

nm

IV. ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI BẬC 4

1. Yêu cầu chung:

Định dạng đề thi Bậc 4 tương đương trình độ B2 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu, thí sinh có khả năng tranh luận để phát triển các ý nghĩ của mình và bảo vệ các quan điểm cá nhân. Thí sinh chứng minh mình có khả năng giao tiếp lưu loát trong đời sống và có thể tự sửa chữa các lỗi sai của mình.

2. Định dạng đề thi

Bậc 4 tổng cộng có 42 câu hỏi, chia làm 4 phần: Nghe hiểu, Đọc hiểu, Viết, Nói.

NỘI DUNG BÀI THI		SỐ LƯỢNG CÂU HỎI (CÂU)		THỜI GIAN THI (PHÚT)
1. NGHE HIỂU	BÀI 1	7	20	Khoảng 30
	BÀI 2	7		
	BÀI 3	6		
2. ĐỌC HIỂU	BÀI 1	7	20	60
	BÀI 2	7		
	BÀI 3	6		
3. VIẾT	BÀI 1	1	1	60
4. NÓI	BÀI 1	1	1	Chuẩn bị: 15 phút Trình bày: 10 phút
Tổng cộng	/	42		Khoảng 180

Toàn bộ thời gian của bài thi khoảng 180 phút (bao gồm thời gian thí sinh điền thông tin cá nhân khoảng 5 phút).

2.1 Nghe hiểu

Phần Nghe hiểu có 3 bài thi, mỗi bài thi nghe 3 lần.

Bài thứ nhất có 7 câu hỏi thi. Thí sinh nghe một tài liệu phát thanh (cuộc phỏng vấn, bản tin, cuộc tranh luận ...), căn cứ vào nội dung nghe được để chọn ra một đáp án đúng trong số 3 phương án.

Bài thứ hai có 7 câu hỏi thi. Thí sinh nghe một tài liệu phát thanh (cuộc phỏng vấn, bản tin, cuộc tranh luận ...), căn cứ vào nội dung nghe được để chọn ra một đáp án đúng trong số 3 phương án.

Bài thứ ba có 6 câu hỏi thi. Thí sinh nghe ba đoạn ghi âm ngắn, thường là trích đoạn của các chương trình trên đài với 2-3 người đối thoại ..., căn cứ vào nội dung nghe được để chọn ra một đáp án đúng trong số 3 phương án.

2.2 Đọc hiểu

Bài thứ nhất có 7 câu hỏi thi. Thí sinh đọc một văn bản thông tin, hoặc văn bản lập luận, căn cứ vào nội dung bài đọc để chọn ra một đáp án đúng trong số 3 phương án.

Bài thứ hai có 7 câu hỏi thi. Thí sinh đọc một văn bản thông tin, hoặc văn bản lập luận, căn cứ vào nội dung bài đọc để chọn ra một đáp án đúng trong số 3 phương án.

Bài thứ ba có 6 câu hỏi thi. Thí sinh đọc các quan điểm khác nhau của những người khác nhau về cùng một chủ đề, căn cứ vào nội dung bài đọc để chọn ra một đáp án đúng trong số 3 phương án.

2.3 Viết

Cấu trúc phần thi Viết: Gồm 1 bài luận

Thí sinh viết một văn bản nghị luận (xoay quanh một cuộc tranh luận, một bức thư hành chính, một bài báo nhận xét), thí sinh viết tối thiểu 250 từ.

Các dạng bài viết thường gặp:

nh

- ✓ Article critique (bài viết dạng một bài báo)
- ✓ Contribution au forum (chia sẻ quan điểm trên một diễn đàn)
- ✓ Courrier des lecteurs (chia sẻ quan điểm trên mục báo: thư của độc giả)
- ✓ Lettres formelles: lettre de protestation (thư phản đối); lettre de plainte ou lettre de réclamation (thư phàn nàn hoặc khiếu nại); lettre de demande (thư đề nghị); lettre de motivation (thư động lực)
- ✓ Essai (bài luận)

2.4 Nói

Thí sinh xác định vấn đề được nêu ra trong tài liệu, sau đó trình bày ý kiến của bản thân về chủ đề này một cách rõ ràng, lập luận chặt chẽ.

3. Cách tính điểm

NỘI DUNG BÀI THI		SỐ LƯỢNG CÂU HỎI (CÂU)		ĐIỂM TỐI ĐA (ĐIỂM)	SỐ ĐIỂM CHO MỖI CÂU (ĐIỂM)
1. NGHE HIỂU	BÀI 1	7	20	10	0,5
	BÀI 2	7			0,5
	BÀI 3	6			0,5
2. ĐỌC HIỂU	BÀI 1	7	20	10	0,5
	BÀI 2	7			0,5
	BÀI 3	6			0,5
3. VIẾT	BÀI 1	1	1	10	10
4. NÓI	BÀI 1	1	1	10	10
Tổng cộng		42		40	

4. Thông báo kết quả

Kết quả tính theo thang điểm: 10 (là điểm trung bình cộng của điểm 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết)

Mỗi phần thi tính theo thang điểm: 10

Mức điểm đạt trình độ năng lực ngoại ngữ (Tiếng Pháp) bậc 4: 5/10

Không có phần thi nào dưới: 2/10

V. ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI BẬC 5

1. Yêu cầu chung:

Định dạng đề thi Bậc 5 tương đương trình độ C1 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu. Thí sinh có khả năng sử dụng ngôn ngữ một cách độc lập, có khả năng giao tiếp dễ dàng và ngay lập tức. Thí sinh có một trường từ vựng lớn và có thể lựa chọn những mẫu câu phù hợp để trình bày suy nghĩ của mình. Thí sinh có thể trình bày một bài phát biểu rõ ràng, có liên kết và không lưỡng lự, điều đó cho thấy thí sinh nắm rất rõ các cấu trúc câu.

2. Định dạng đề thi

Bậc 5 tổng cộng có 33 câu hỏi, chia làm 4 phần: Nghe hiểu, Đọc hiểu, Viết, Nói.

NỘI DUNG BÀI THI		SỐ LƯỢNG CÂU HỎI (CÂU)		THỜI GIAN THI (PHÚT)
1. NGHE HIỂU	BÀI 1	10	16	Khoảng 30
	BÀI 2	6		
2. ĐỌC HIỂU	BÀI 1	15	15	60
3. VIẾT	BÀI 1	1	1	60
4. NÓI	BÀI 1	1	1	Chuẩn bị: 20 phút Trình bày: 10 phút
Tổng cộng		33		Khoảng 185

Toàn bộ thời gian của bài thi khoảng 185 phút (bao gồm thời gian thí sinh điền thông tin cá nhân khoảng 5 phút).

2.1 Nghe hiểu

Phần Nghe hiểu có 2 bài thi, mỗi bài thi nghe 3 lần.

Bài thứ nhất có 10 câu hỏi thi. Thí sinh nghe một tài liệu dài (phỏng vấn, bài giảng, hội thảo,...) có độ dài dưới 6 phút; căn cứ vào nội dung nghe được để chọn ra một đáp án đúng trong số 3 phương án, hoặc ghi thông tin mà câu hỏi yêu cầu.

Bài thứ hai có 6 câu hỏi thi. Thí sinh nghe 2 tài liệu ngắn (điểm tin, điều tra, tin văn, ...) có độ dài dưới 2 phút, căn cứ vào nội dung nghe được để chọn ra một đáp án đúng trong số 3 phương án.

2.2 Đọc hiểu

Phần đọc hiểu có 1 bài đọc với 15 câu hỏi thi. Thí sinh đọc 1 bài khoá liên quan đến lĩnh vực văn học hay báo chí có độ dài dưới 1200 từ, căn cứ vào nội dung bài đọc để chọn ra một đáp án đúng trong số 3 phương án, hoặc ghi thông tin mà câu hỏi yêu cầu.

2.3 Viết

Cấu trúc phần thi Viết: Gồm 1 bài luận

Thí sinh viết một bài nghị luận từ nội dung của tài liệu nhận được, thí sinh viết tối thiểu 300 từ. Thí sinh cần phân tích chủ đề, đưa ra luận điểm, lập luận chặt chẽ, sử dụng dẫn chứng, ví dụ, so sánh, đối chiếu. Thí sinh cần: viết mạch lạc, có hệ thống, khẳng định quan điểm thông qua các lập luận, các biện minh và ví dụ để đưa ra kết luận phù hợp các chủ đề phức tạp.

2.4 Nói

Thí sinh xác định vấn đề được nêu ra trong tài liệu, sau đó trình bày ý kiến của bản thân về chủ đề này một cách rõ ràng, súc tích, sử dụng ngôn ngữ phong phú, chính xác, thể hiện khả năng diễn đạt và thuyết trình hiệu quả. Thí sinh trình bày quan điểm của mình một cách có trật tự về chủ đề đã nêu ra, tài liệu đã nhận được đều liên quan đến chủ đề đó.

3. Cách tính điểm

NỘI DUNG BÀI THI		SỐ LƯỢNG CÂU HỎI (CÂU)		ĐIỂM TỐI ĐA (ĐIỂM)	SỐ ĐIỂM CHO MỖI BÀI (ĐIỂM)
1. NGHE HIỂU	BÀI 1	10	16	10	7
	BÀI 2	6			3
2. ĐỌC HIỂU	BÀI 1	15	15	10	10
3. VIẾT	BÀI 1	1	1	10	10
4. NÓI	BÀI 1	1	1	10	10
Tổng cộng	/	33		40	

4. Thông báo kết quả

Kết quả tính theo thang điểm: 10 (là điểm trung bình cộng của điểm 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết)

Mỗi phần thi tính theo thang điểm: 10

Mức điểm đạt trình độ năng lực ngoại ngữ (Tiếng Pháp) bậc 5: 5/10

Không có phần thi nào dưới: 2/10

VI. ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI BẠC 6

1. Yêu cầu chung:

Định dạng đề thi Bậc 6 tương đương trình độ C2 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu. Ở trình độ này, Thí sinh thành thạo về ngôn ngữ được thể hiện qua khả năng trình bày một cách chính xác, xác đáng và dễ dàng. Thí sinh có khả năng thực hiện các công việc học thuật hoặc các công việc ở mức độ khó.

nm2

2. Định dạng đề thi

Bậc 6 tổng cộng có 3 câu hỏi, chia làm 2 phần lớn: Nghe hiểu + Nói, Đọc hiểu + Viết.

NỘI DUNG BÀI THI		SỐ LƯỢNG CÂU HỎI (CÂU)		THỜI GIAN THI (PHÚT)
1. NGHE HIỂU + NÓI	BÀI 1	2	2	Nghe khoảng 30 phút Chuẩn bị: 30 phút Trình bày: 15 phút
2. ĐỌC HIỂU + VIẾT	BÀI 1	1	1	150
Tổng cộng	/	3		Khoảng 230

Toàn bộ thời gian của bài thi khoảng 230 phút (bao gồm thời gian thí sinh điền thông tin cá nhân khoảng 5 phút).

2.1 Nghe hiểu và Nói

Phần Nghe hiểu và Nói có 2 yêu cầu, thí sinh được nghe 3 lần.

Sau khi nghe tài liệu, thí sinh tóm tắt nội dung bài nghe và phát triển suy nghĩ cá nhân từ vấn đề được nêu lên trong tài liệu

2.2 Đọc hiểu và Viết

Phần này yêu cầu thí sinh viết một bài luận ít nhất 500 từ, có cấu trúc chặt chẽ (báo, bài phát biểu, bài nhận xét...) từ các văn bản cho trước (các văn bản này có dưới 1800 từ)

3. Cách tính điểm

NỘI DUNG BÀI THI		SỐ LƯỢNG CÂU HỎI (CÂU)		ĐIỂM TỐI ĐA (ĐIỂM)	SỐ ĐIỂM CHO MỖI BÀI (ĐIỂM)
1. NGHE HIỂU + NÓI	BÀI 1	2	2	10	10
2. ĐỌC HIỂU + VIẾT	BÀI 1	1	1	10	10
Tổng cộng	/	3		20	

4. Thông báo kết quả

Kết quả tính theo thang điểm: 10 (là điểm trung bình cộng của 2 bài thi: bài thi nghe - nói, bài thi đọc viết)

Mỗi phần thi tính theo thang điểm: 10

Mức điểm đạt trình độ năng lực ngoại ngữ (Tiếng Pháp) bậc 6: 5/10

Không có phần thi nào dưới: 2/10